

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯNG YÊN	Số: 04
ĐẾN	Số: 1024
Chuyển:	Ngày: 22/3/2019
Lưu hồ sơ:	

/KH-BCĐ

Hưng Yên, ngày 8 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2019

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-LĐTBXH ngày 09/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31/5/2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiểu hụt đa chiều;

Căn cứ Kết luận số 05/KL-TU ngày 18/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh về giảm nghèo giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 16/CT-UBND ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách 2019 tỉnh Hưng Yên.

Ban Chỉ đạo Dạy nghề, Việc làm và Giảm nghèo tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo năm 2019 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2019

1. Mục tiêu chung

Giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, giảm khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giữa các huyện, thành phố và các nhóm dân cư, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phấn đấu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 2,1%; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới.

(Kèm theo *Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2019*).

2.2. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống, giúp người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin*); giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3. Triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả gắn với đặc thù của từng địa phương; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

2.4. 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2.5. Đảm bảo 100% người nghèo, người cận nghèo được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

2.6. 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; thực hiện đồng bộ các chính sách khác về giáo dục đào tạo theo quy định để giảm nhanh chiêu thiếu hụt về giáo dục.

2.7. 100% người nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý.

2.8. Tiếp tục hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn về nhà, tăng số hộ được sử dụng nước sạch để giảm thiểu thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh. Phấn đấu năm 2019 hoàn thành Đề án hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo; 96% dân số khu vực nông thôn, 99% dân số khu vực thành thị sử dụng nước sạch theo chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2019 của tỉnh.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian: Năm 2019

2. Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên tập trung cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo thuộc nhóm người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ là chủ hộ.

III. NỘI DUNG

1. Các nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

1.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán,

nhu cầu của cộng đồng, mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật hiện hành;

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư.

b) Phân công thực hiện

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện nội dung này; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất; trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

1.2. Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

a) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ đi lại, cung cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu, chi phí khám sức khỏe, làm hộ chiếu, Visa và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở; hỗ trợ hoạt động tư vấn người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương;

- Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương.

b) Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện.

1.3. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Nội dung thực hiện

- Truyền thông về giảm nghèo: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo theo hình thức sân khấu hóa; sản xuất, phát hành tờ rơi; căng treo băng rôn, pa nô truyền thông về giảm nghèo...; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, trong đó ưu tiên cấp cơ sở;

- Giảm nghèo về thông tin: Hỗ trợ, sản xuất, biên tập, phát sóng, phát thanh và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình về công tác giảm nghèo bền vững; trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại xã.

b) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo;
- Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin.

1.4. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo;
- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, hội nghị về giảm nghèo;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ hoặc đột xuất tại cơ sở.
- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ;
- Tiếp tục nhập liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

b) Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện.

2. Chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

2.1. Hỗ trợ về y tế

- Triển khai chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (BHYT); tiếp tục triển khai đồng bộ việc hỗ trợ mua và cấp thẻ BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, các chính sách hỗ trợ người nghèo mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo, bệnh nhân nghèo phải điều trị nội trú từ bệnh viện tuyến huyện trở lên theo Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo;

- Cơ quan quản lý thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

2.2. Hỗ trợ về giáo dục

- Triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành; triển khai cho vay đối với học sinh, sinh viên là con em hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có điều kiện kinh tế khó khăn;
- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về giáo dục đào tạo; chú trọng đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

2.3. Tiếp cận thông tin

- Kết hợp nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các nguồn vốn khác xây dựng, nâng cấp và củng cố phát triển hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở; ưu tiên hoàn thiện hệ thống công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn xã/ thôn/ khu phố.
- Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

2.4. Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

- Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn được vay vốn tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách - Xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, sửa chữa nhà ở, xây dựng công trình nước sạch vệ sinh môi trường, mua sắm phục vụ các nhu cầu thiết yếu;
- Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Chính sách – Xã hội phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

2.5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và đạt chỉ tiêu hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo;
- Tiếp tục vận động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo đặc biệt khó khăn về nhà ở, ưu tiên hộ nghèo có người cao tuổi, người khuyết tật, gia đình chính sách, có công với cách mạng;

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện;

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia phối hợp triển khai.

2.6. Hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

- Thực hiện hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, cận nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo hiểu, biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận chính sách trợ giúp của Nhà nước.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

2.7. Cung cấp nước sạch vệ sinh

- Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép vốn để đẩy mạnh cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, nhất là môi trường nông thôn; tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn đạt mục tiêu đề ra;

- Tăng cường hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh môi trường nông thôn gồm hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải;

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp nước sạch; Sở Y tế chỉ đạo tổ chức hoạt động hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh.

2.8. Hỗ trợ tiền điện

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo mạng lưới điện sinh hoạt tại các thôn, xóm, đảm bảo được các điều kiện cần thiết đáp ứng tiêu chí đánh giá của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Hỗ trợ trực tiếp tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các chính sách về giảm nghèo đã được UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan theo Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Dạy nghề, Việc làm và Giảm nghèo tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo tỉnh):

Có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo và hướng dẫn các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trên địa bàn các huyện, thành phố để nâng cao hiệu quả đầu tư; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc báo cáo, tổng hợp kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan được giao chủ trì dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thực hiện; tổ chức thực hiện đúng quy định, báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Lao động- Thương binh và Xã hội để tổng hợp).

5. UBND các huyện, thành phố

- Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019, gắn với xây dựng nông thôn mới đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, cơ sở; dự báo kết quả giảm nghèo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn;

- Tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời, đúng nội dung các nguồn giảm nghèo theo quy định của Nhà nước; báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Lao động- Thương binh và Xã hội để tổng hợp)

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, theo chức năng nhiệm vụ, tổ chức vận động nhân dân, hội

viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ ngày công để làm nhà ở, phát triển sản xuất...; đẩy mạnh cuộc vận động Ngày vì người nghèo nhằm kêu gọi các tổ chức, cá nhân ủng hộ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo.

Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết./.*Ng*

Noi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các thành viên BCĐ tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: TTBCĐ, KGVX.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Duy Hưng

DỰ KIẾN
TỶ LỆ HỘ NGHÈO TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2019

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-BCĐ ngày 8/3/2019
 của Ban Chỉ đạo Dạy nghề, Việc làm và Giảm nghèo tỉnh Hưng Yên)*

St t	Huyện/TP	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2018			Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo năm 2019		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Phù Cừ	28.628	787	2,75	29.358	703	2,39
2	Tiên Lữ	28.630	852	2,98	29.015	695	2,40
3	TP Hưng Yên	35.942	709	1,97	36.342	595	1,64
4	Kim Động	39.704	997	2,51	40.604	891	2,19
5	Ân Thi	45.508	1.863	4,09	46.018	1.315	2,86
6	Khoái Châu	63.573	1.897	2,98	64.558	1.587	2,46
7	Yên Mỹ	46.783	1.069	2,29	47.283	925	1,96
8	Mỹ Hào	34.599	579	1,67	34.800	537	1,54
9	Văn Lâm	34.166	621	1,82	34.855	571	1,64
10	Văn Giang	32.803	579	1,77	33.300	519	1,56
Tổng cộng		390.336	9.953	2,55	396.133	8.338	2,1